

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2020/DS-ST.**

Ngày: **06-5-2020.**

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mươi.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hổ.
2. Ông Lê Anh Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thi -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Vào ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2020/TLST-DS, ngày 17 tháng 01 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-DS, ngày 02 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

***/Nguyên đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn B;

Địa chỉ: XNPT, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trung H- Chức vụ: Giám đốc;

- Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn Đệ Nh, sinh năm 1962.

Địa chỉ số: PPK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, theo văn bản ủy quyền ngày 17/12/2019.

***/Bị đơn:** Bà Bùi Vũ Thụy Đỗ Q, sinh năm 1981.

Địa chỉ số: PS, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Ông Nh có mặt; bà Q vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/12/2019, bản tự khai, phiên họp công khai chứng cứ, chứng cứ do đương sự cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn tham gia tố tụng là ông Nguyễn Văn Đệ Nh trình bày:

Nguyên vào tháng 6/2019 Công ty TNHH B có bán cho bà Bùi Vũ Thụy Đỗ Q một số vật tư xây dựng lắp công trình, hình thức mua bán trả tiền mặt, đến ngày 20/7/2019 thì Công ty TNHH B và bà Q có tổng kết nợ bằng văn bản xác nhận bà Q

có nợ Công ty TNHH B số tiền là 88.810.000đồng, đến ngày 27/11/2019 thì bà Q có viết giấy hẹn đến ngày 27/12/2019 sẽ trả tiền cho Công ty TNHH B nhưng đến hết thời hạn đã hẹn mà bà Q cũng không trả tiền cho Công ty B như đã hẹn. Bà Q đã nhận đủ vật tư xây lắp nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền cho Công ty B. Do vậy, quyền lợi của Công ty B bị thiệt thòi nên Công ty TNHH B đã chính thức nộp đơn khởi kiện bà Q tại Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre vào ngày 08/01/2020 để yêu cầu Tòa án buộc bà Bùi Vũ Thụy Đỗ Q trả lại cho Công ty TNHH B số tiền là 88.810.000đồng, Công ty TNHH B không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên. Công ty TNHH B chỉ yêu cầu một mình bà Q trả số tiền này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Công ty TNHH B khởi kiện bị đơn bà Bùi Vũ Thụy Đỗ Q, sinh năm 1981, đăng ký hộ khẩu thường trú số: 172A2, khu phố Bình Khởi, Phường 6, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về tố tụng:* Bà Bùi Vũ Thụy Đỗ Q được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để mở phiên họp công khai chứng cứ hòa giải, xét xử nhưng bà Q cố tình không đến Tòa án theo giấy triệu tập. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Q theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về quan hệ tranh chấp:* Theo đơn khởi kiện của Công ty B thì vào khoảng tháng 6/2019 thì Công ty TNHH B có bán vật liệu xây lắp công trình cho bà Bùi Vũ Thụy Đỗ Q do bà Q nhận hàng hóa trực tiếp, hình thức mua bán bằng tiền mặt, đến ngày 20/7/2019 thì Công ty TNHH B và bà Q có tổng kết nợ bằng văn bản xác nhận bà Q có nợ Công ty TNHH B số tiền là 88.810.000đồng, ngày 27/11/2019 thì bà Q có viết giấy hẹn đến ngày 27/12/2019 sẽ trả tiền cho Công ty TNHH B nhưng đến hết thời hạn đã hẹn mà bà Q cũng không trả tiền cho Công ty B. Do bà Q vi phạm nghĩa vụ trả tiền vật tư nên quyền lợi của Công ty bị thiệt thòi nên Công ty TNHH đã khởi kiện bà Quyên tại Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre để yêu cầu Tòa án buộc bà Q trả lại số tiền cho công ty TNHH B là 88.810.000đồng, được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] *Về nội dung tranh chấp:*

Vào khoảng tháng 6/2019 Công ty TNHH B có bán cho bà Bùi Vũ Thụy Đỗ Q vật tư xây lắp công trình, hình thức mua bán là bằng tiền mặt, công ty B đã giao đầy đủ vật tư xây lắp cho bà Q nhưng bà Q không trả tiền cho Công ty TNHH B, đến ngày 20/7/2019 thì Công ty TNHH B và bà Q có tổng kết nợ bằng văn bản xác nhận bà Q còn nợ Công ty B số tiền là 88.810.000đồng. Sau đó vào ngày 27/11/2019 thì bà Q có viết giấy hẹn nợ đến ngày 27/12/2019 sẽ trả tiền cho Công ty TNHH B nhưng cho đến nay bà Q cũng không trả tiền cho Công ty B như đã thỏa thuận. Do bà Q vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ vật tư nên quyền lợi của Công ty TNHH B bị thiệt thòi nên Công ty B đã khởi kiện bà Q tại Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre buộc một mình bà Q trả lại số tiền cho Công ty TNHH B là 88.810.000đồng, Công ty TNHH B không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền này.

[5] *Xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Yêu cầu Tòa án buộc bà Bùi Vũ Thụy Đỗ Q trả số tiền mua vật tư còn nợ lại là 88.810.000đồng, không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền này. Căn cứ vào giấy hẹn trả nợ do bà Bùi Vũ Thụy Đỗ Q viết và ký xác nhận thì bà Q hẹn đến ngày 27/12/2019 bà Q sẽ trả số tiền 88.810.000đồng cho Công ty B nhưng đến nay bà Q vẫn không trả số tiền nêu trên cho Công ty TNHH B. Do bà Q vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo giấy hẹn ngày 27/11/2019 nên Công ty TNHH B đã khởi kiện để yêu cầu bà Q trả lại số tiền cho Công ty B. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của Công ty TNHH B là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận, buộc bà Bùi Vũ Thụy Đỗ Q có trách nhiệm trả lại số tiền 88.810.000đồng cho Công ty TNHH B. Ghi nhận việc Công ty B không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền này.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ do Công ty TNHH B cung cấp nhưng bà Bùi Vũ Thụy Đỗ Q không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH B và cũng như không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu độc lập. Căn cứ khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có cơ sở chấp nhận lời khai và các chứng cứ mà Công ty B cung cấp cho Tòa án là chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của Công ty B là có căn cứ và hợp pháp.

Bà Bùi Vũ Thụy Đỗ Q không có mặt tại phiên tòa nên không thể đối chất với lời trình bày của phía Công ty TNHH B, bà Q phải chịu mọi hậu quả pháp lý của việc vắng mặt này.

*/Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%: Bà Bùi Vũ Thụy Đỗ Q phải chịu là 4.440.500 (Bốn triệu bốn trăm bốn mươi nghìn năm trăm) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, 217, 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430, 440, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH B đối với bị đơn bà Bùi Vũ Thụy Đỗ Q.

Buộc bà Bùi Vũ Thụy Đỗ Q có trách nhiệm trả số tiền 88.810.000 (Tám mươi tám triệu tám trăm mười nghìn) đồng cho Công ty TNHH B. Ghi nhận việc Công ty B không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty B, số tiền trên nếu chưa thi hành thì bên phải thi hành án bà Bùi Vũ Thụy Đỗ Q còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi

suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 cho đến khi thi hành xong số tiền nêu trên.

**Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%:* Bùi Vũ Thụy Đỗ Q phải chịu là 4.440.500 (Bốn triệu bốn trăm bốn mươi nghìn năm trăm) đồng.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Công ty B số tiền là 2.200.500 (Hai triệu hai trăm nghìn năm trăm) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008547 ngày 15 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Công ty TNHH B có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày tròn kể từ ngày tuyên án; riêng bà Bùi Vũ Thụy Đỗ Q vắng mặt cũng được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo trình tự phúc thẩm.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**/Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHST);
- VKSND- Tp Bến Tre, t. Bến Tre;
- Chi cục THADS- Tp Bến Tre, t. Bến Tre;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Thị Mươi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hồ - Lê Anh Giàu

Huỳnh Thị Mười

**/Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHST);
- VKSND- Tp Bến Tre, t. Bến Tre;
- Chi cục THADS- Tp Bến Tre, t. Bến Tre;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Mười

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hưng- Nguyễn Thị Hiền

Huỳnh Thị Mười

****/Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHST);
- VKSND- Tp Bến Tre, t. Bến Tre;
- Chi cục THADS- Tp Bến Tre, t. Bến Tre;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Mười

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Ngọc Hồng - Dương Thị Thanh Thúy

Huỳnh Thị Mười

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHST);
- VKSND- Tp Bến Tre, t. Bến Tre;
- Chi cục THADS- Tp Bến Tre, t. Bến Tre;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Mười

Trên thửa đất 01 tờ 28 phía bà Hạnh có xây 01 căn nhà tường cấp 4, có cấu trúc như sau: Nền gạch bóng kính, vách gạch, cột bê tông, cốt thép, máy tole, trần thạch cao, giá trị sử dụng còn lại là 70%. Diện tích xây dựng là $77,616\text{m}^2$, giá trị sử dụng còn lại là 70%, trị giá: $(77,616\text{m}^2 \times 2.420.000\text{đồng} \times 70\%) = 131.481.504$ đồng.

- Diện tích gạch ốp tường:

+ $53\text{m} \times 1,2\text{m} = 63,6\text{m}^2$.

+ $24\text{m} \times 2\text{m} = 48\text{m}^2$.

Tổng diện tích ốp tường là $11,6\text{m}^2 \times 150.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 70\% = 11.718.000\text{đồng}$.

- Bếp: Ốp đá hoa cương, granite, diện tích $3,2\text{m} \times 0,65\text{m} = 2,08\text{m}^2$; giá trị sử dụng còn lại là 70%. Trị giá: $2,08\text{m}^2 \times 1.200.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 70\% = 1.747.200\text{đồng}$.

- Hàng rào cột bê tông cốt thép, không xây tường, có diện tích: $3,15 \times 2,4 = 7,56\text{m}^2$ $\times 1.000.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 5.292.000\text{đồng}$.

- Sân nền: $1,7\text{m} \times 20,06\text{m} = 34,102\text{m}^2$, giá trị sử dụng còn lại 70%, trị giá $34,102\text{m}^2 \times 130.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 70\% = 3.103.282$ đồng. Tổng trị giá căn nhà và các công trình kiến trúc kèm theo là 153.341.986 đồng.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHST);
- VKSND TP. Bến Tre, T. Bến Tre;
- Chi cục THADS TP. Bến Tre, T. Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Mười

Hội thẩm nhân dân Thẩm phán

Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hiền- Lê Minh Thiện

Huỳnh Thị Mười

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHST);
- VKSND TP. Bến Tre, T. Bến Tre;
- Chi cục THADS TP. Bến Tre, T. Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

